

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày: 29- 3- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thu Hằng

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2024/TLST-HS, ngày 06 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn K, tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/9/1985. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn K1, sinh năm 1956, con bà: Nguyễn Thị Thúy B, sinh năm 1953; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có vợ là: Lý Thị D, sinh năm 1984, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/12/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Thanh T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 02/6/1986. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm L2, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T1, sinh năm 1966, con bà: Bùi Thị Y, đã chết; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là: Ninh Thị N, sinh năm 1985, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/12/2023, được thay đổi biện pháp ngăn

chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Văn K2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 19/12/1987. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn K1, sinh năm 1956, con bà: Nguyễn Thị Thúy B, sinh năm 1953; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có vợ là: Nguyễn Thị L, sinh năm 1988, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: có 01, tại bản án số 46/2019/HSST ngày 26/6/2019 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Buôn bán hàng cấm*”; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2023 đến ngày 18/01/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Hoàng Văn Q, tên gọi khác: Không, sinh ngày 29/4/1992. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn B1, sinh năm 1966, con bà: Luân Thị T2, sinh năm 1966; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/12/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Phan Thị T3, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25/7/1975. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm Á, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn C, con bà: Trần Thị G, đều đã chết; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có chồng là: Lê Văn B2, sinh năm 1978; Con: có 02 con riêng, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/12/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lê Văn B2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 05/10/1978. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn M, đã chết, con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1946; Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; có vợ là: Phạm Thị T4, sinh năm 1975; Con; có 02 con riêng, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 24/2005/HSST ngày 25/5/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/12/2023, được thay

đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Triệu Văn Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 24/8/1989. Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn Q1, sinh năm 1962, con bà: Trần Thị L1, đã chết; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ là: Lường Thị S, sinh năm 2001, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/12/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1959 – Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

* *Người chứng kiến:* Ông Phạm Văn T6, sinh năm 1954 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 24/11/2023, tổ công tác Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Công an xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành tuần tra kiểm soát đã phát hiện bắt quả tang tại nhà của ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1959, trú tại: xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.450.000 đồng; 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếu nhựa (kích thước 2m x 1,6m); thu giữ tại túi áo khoác phía trong bên trái của Phan Thị T3 đang mặc số tiền 3.000.000 đồng; thu giữ tại túi quần phía sau bên phải của Lê Văn K2 đang mặc số tiền 9.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 24/11/2023, sau khi ăn cơm uống rượu tại nhà ông Nguyễn Văn T5. Lê Văn K rủ Triệu Văn Đ, Hoàng Văn Q và Lê Văn B2 đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền thì mọi người đồng ý. K đi mua bài sau đó cùng Đ, Q và B2 xuống bếp nhà ông T5 để tham gia đánh bạc. Trước khi chơi K có hỏi ông T5 “*Mấy khi được uống rượu nhà chú, cho chúng cháu vui một tý rồi nghỉ luôn*”, ông T5 không đồng ý và trả lời “*Tốt nhất là không chơi nữa, nghỉ đi*”. Nhưng mọi người tiếp tục đi đến bếp và thấy đã có 01 chiếu trải sẵn nên ngồi xuống để bắt đầu tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc còn có T, T3 và K2 đến tham gia đánh

bạc cùng. Vị trí ngồi của các đối tượng lần lượt tính về phía bên phải vị trí ngồi là K, Đ, K2, T3, T, B2, Q. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Về hình thức đánh bạc như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, chia cho mỗi người 03 lá bài, mỗi người tham gia chơi phải bỏ ra mỗi ván 20.000 đồng gọi là tiền “đặt gà”, mức “tố” cao nhất là 100.000 đồng; quy định thứ tự ưu tiên thắng cược là “sáp” (có 03 lá bài giống nhau); “Liêng” (có 03 lá bài liên tiếp nhau theo thứ tự), nếu ai được “Sáp” hoặc được Liêng “Đồng hoa” thì ngoài được tiền “gà” còn được từ những người chơi 100.000 đồng, còn “Liêng” không đồng màu thì được tiền “gà”, khi bài không có liêng, sáp thì tính 9 điểm là cao nhất, những người cùng điểm sẽ so chất, chất rô cao nhất, sau đến chất cơ. Sau khi ván bài bắt đầu, mỗi người sẽ nhận được 3 lá bài tương đương với từng số điểm riêng. Sau đó, người chơi sẽ có 4 sự lựa chọn như sau: “Úp bài” trong trường hợp bài của mình quá yếu, không có cơ hội thắng, người chơi lựa chọn úp bài và đương nhiên sẽ mất số tiền cược ban đầu và kết thúc ván bài. “Theo” đặt số tiền cược bằng với người cửa trên đặt, nếu theo sẽ phải chấp nhận có thể vừa mất tiền cược vừa mất tiền theo, ngược lại khi thắng thì sẽ được cả hai. “Tố” đặt cược thêm tiền cao hơn so với số tiền của người cửa trên đặt. “Tất tay” nếu cảm thấy bài mình đủ thắng thì đặt tất cả số tiền đang có. Sau khi tất cả đã lựa chọn xong, bộ bài của người nào mang giá trị cao nhất thì người đó thắng cuộc, các bộ bài được tính từ lớn đến nhỏ trong luật chơi liêng như sau “Sáp” là bộ bài có ba lá giống nhau; “Liêng” là bộ bài có ba lá liên tiếp nhau; “Ảnh” là bộ bài có cả ba lá bài đều là T8 (đầu người J, Q, K), nếu cả hai người đều có Ảnh phải so sánh chất cao nhất trong bài. Trường hợp cùng chất thì trở về so sánh thứ tự quân bài J, Q, K; “Điểm” là cách tính lá cơ bản nhất nếu bài không có Sáp, L2, Ảnh. Lấy tổng số điểm của ba lá chia cho 10, số dư sau khi chia sẽ là điểm của người chơi. Điểm của các lá bài số giữ nguyên còn 10, J, Q, K đều tính là 0 điểm. Nếu cùng điểm thì so sánh lá bài có chất cao nhất, cùng chất thì so sánh lá, không quy định số tiền tố lượt tiếp theo. Khi tham gia đánh bạc các đối tượng khai nhận sử dụng số tiền đánh bạc cụ thể:- Phạm Thanh T mang theo 3.000.000đ để tham gia đánh bạc.

- Lê Văn K2 mang theo 10.660.000đ và sử dụng 1.160.000đ để tham gia đánh bạc.

- Hoàng Văn Q mang theo 1.100.000đ để tham gia đánh bạc.

- Phan Thị T3 mang theo 3.800.000đ và sử dụng 800.000đ để tham gia đánh bạc.

- Lê Văn B2 mang theo khoảng 740.000đ để tham gia đánh bạc.

- Triệu Văn Đ mang theo khoảng 500.000đ để tham gia đánh bạc.

- Lê Văn K mang theo khoảng 500.000đ để tham gia đánh bạc.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 21.950.000 đồng; 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc nhựa kích thước 2m x 1,6m. Hiện số vật chứng đang được bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSD ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi như bản Cáo trạng truy tố. Các bị cáo xác định khoảng 17 giờ 00 phút ngày 24/11/2023, tại khu vực nhà ở của gia đình Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1959 thuộc xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên các bị cáo cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị xử lý như sau:

Tuyên bố các bị cáo: Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ **Lê Văn K** từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Phạm Thanh T** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Hoàng Văn Q** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Phan Thị T3** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Triệu Văn Đ** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Lê Văn B2** từ 06 đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Lê Văn K2** từ 09 đến 12 tháng tù. Chuyển 30 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 46/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thành tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 39 đến 42 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 9.450.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếu nhựa, kích thước 2m x 1,6m, đã qua sử dụng;
- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ của bị cáo Phan Thị T3 và số tiền 9.500.000 đồng của bị cáo Lê Văn K2 để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo: Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong phần tranh luận các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo Lê Văn K2 và Lê Văn B2 xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội. Các bị cáo còn lại xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tội danh: Hồi 23 giờ 30 phút ngày 24/11/2023, tại khu vực nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1959 thuộc xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ đang đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền thì bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.450.000 đồng là số tiền mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc. Ngoài ra còn thu giữ một số vật chứng có liên quan.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân làm phát các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, đồng thời gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy việc truy tố để xét xử đối với các bị

cáo: Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 321 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau và cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo Lê Văn K là người khởi xướng, rủ rê nên bị cáo K tham gia vụ án với vai trò tích cực hơn các bị cáo khác.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3 và Triệu Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn K2 và Lê Văn B2 có nhân thân xấu nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Hoàng Văn Q, Lê Văn B2, Phan Thị T3 và Triệu Văn Đ đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Văn K2 có 01 tiền án, phạm tội khi đang chấp hành thời gian thử thách của án treo nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4]. Về hình phạt: Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định hình phạt.

Đối với các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3 và Triệu Văn Đ đều xuất thân từ người dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lê Văn B2 có nhân thân xấu, đã bị xét xử về cùng loại tội nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù, buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung; tuy nhiên cũng sẽ xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật yên tâm cải tạo tốt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Lê Văn K2 có nhân thân xấu, có 01 tiền án, thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách; do đó, cần áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo tại Bản án số 46/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thành tù giam và áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thu lời bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, hình phạt và các nội dung khác của vụ án tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 9.450.000 đồng thu giữ tại nơi đánh bạc, đây là số tiền mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 9.500.000 đồng thu giữ của Lê Văn K2 và số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của Phan Thị T3, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo xác định không sử dụng vào việc đánh bạc và không có liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các bị cáo; tuy nhiên các bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

- Đối với 52 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếu nhựa, kích thước 2m x 1,6m, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm sung nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử. Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[10]. Ngoài ra, trong vụ án này, các bị cáo đánh bạc tại khu vực nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1959 thuộc xóm L1, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; tuy nhiên, việc các bị cáo đánh bạc ông T5 không đồng ý, không thu lợi và không có liên quan nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét xử lý đối với ông T5 là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ **Lê Văn K 12** (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Phạm Thanh T 09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Hoàng Văn Q 09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Phan Thị T3 09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Triệu Văn Đ 09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Lê Văn B2 06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ 24/11/2023 đến ngày 02/12/2023. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước. - Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Lê Văn K2 09** (Chín) tháng tù. Chuyển 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 46/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thành tù giam. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **39** (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ của bản án trước từ ngày 26/01/2019 đến ngày 01/02/2019 và thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này từ ngày 24/11/2023 đến ngày 18/01/2024. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Giao các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3 và Triệu Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 9.450.000đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tịch thu tiêu hủy: 52 (Năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ; 01 (một) chiếu nhựa kích thước 2m x 1,6m, cũ đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Lê Văn K2 số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.- Tạm giữ của Phan Thị T3 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. *(Tình trạng vật chứng như biên*

bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2024 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Văn K, Phạm Thanh T, Lê Văn K2, Hoàng Văn Q, Phan Thị T3, Lê Văn B2 và Triệu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã V, huyện Đ, TN;
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Huy Bắc